

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
Q. LIÊN CHIỀU TP- ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25 tháng 12 năm 2020

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Hồng Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Công Chi
2. Bà Huỳnh Thị Lệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thái Trâm Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 349/2020/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn An Ngãi Đ, xã Hòa S, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Bùi Đình V - Sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 33, phường Hòa Hiệp N, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng. (Vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 07.10.2020, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Đình V xây dựng gia đình vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Hiệp N, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau. Sau khi kết hôn, bà T và ông V về nhà bà ngoại ông V sống tại địa chỉ tổ 33, phường Hòa Hiệp N, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Trong quá trình chung sống với nhau, đến năm 2018 thì vợ chồng bà Tâm, ông V phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, vợ chồng thường hay cãi vã và không tìm được tiếng nói chung, bà T đã bỏ về nhà mẹ sống tại thôn An Ngãi Đông, xã Hòa S thôn An Ngãi Đông, xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và ông V và bà T sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay bà T nhận thấy không còn tình cảm với ông V, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Bùi Đình V.

- *Về quan hệ con chung:* Bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Đình V có 01 người con chung tên Bùi Bảo Anh - sinh ngày 04.01.2016. Ly hôn, bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay, con chung của ông V và bà T đang sống ổn định cùng với bà T tại thôn An Ngãi Đ, xã Hòa T, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- *Về tài sản chung:* Bà T xác định bà và ông Bùi Đình V tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà T xác định bà và ông Bùi Đình V không nợ ai và không ai nợ vợ chồng bà.

\* ***Bị đơn ông Bùi Đình V:*** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập lấy lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Bùi Đình V vẫn vắng mặt cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

\* ***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:***

- Về thủ tục tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Còn bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia quá trình tố tụng là không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm đối với việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của bà Nguyễn Thị T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 51, 56, 58, 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà T. Đề nghị HĐXX xử cho bà T ly hôn với ông Bùi Đình V và giao con là Bùi Bảo Anh cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và ông V không cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### *[1] Về thủ tục tố tụng:*

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, bị đơn ông Bùi Đình V có cư trú tại quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Bùi Đình V vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### *[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án:*

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng giải quyết cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Bùi Đình V.

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Đình V xây dựng gia đình vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Hiệp N, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau. Sau khi kết hôn, bà T và ông V về sống cùng nhà với bà ngoại ông V tại tổ 33, phường Hòa Hiệp N, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Việc kết hôn giữa bà T và ông V là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và không trái với quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V là hoàn toàn hợp pháp

Xét thấy trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà T xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng hay cãi vã và không tìm được tiếng nói chung, ông V hay chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, không có trách nhiệm với vợ con khiến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay, bà T và ông V đã sống ly thân. Tại phiên tòa, bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Bùi Đình V nên mong muốn được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Bùi Đình V đều vắng mặt và cũng không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Điều này thể hiện ông V không có thiện chí muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà T và ông V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Bùi Đình V.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Đình V có 01 con chung tên Bùi Bảo Anh - sinh ngày 04.01.2016. Quá trình giải quyết vụ án, bà T khai nhận các con chung đang sống ổn định với bà nên bà T có nguyện vọng nuôi dưỡng con đến khi đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu giao con chung của bà T thì thấy: Bà T có nguyện vọng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Đình V vắng mặt và không có ý kiến gì về việc bà T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con. Ngoài ra, hiện nay con chung của ông V và bà T đang sinh sống và học tập ổn định cùng với bà T tại thôn An Ngãi Đông, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng nên giao con tên Bùi Bảo Anh cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con và ông V không có ý kiến gì về vấn đề này nên HĐXX không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Nguyễn Thị T xác định, bà và ông V tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung bà T xác nhận không có. Quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Đình V vắng mặt và không có ý

kiến gì đối với vấn đề tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không đề cập. Nếu sau này, bà T và ông V có tranh chấp về phần tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con chung” của bà Nguyễn Thị T đối với ông Bùi Đình V .

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị T – Sinh năm 1984 được ly hôn ông Bùi Đình V – sinh năm 1984.

*(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 159/2014, ngày 24.12.2014 của UBND phường Hòa Hiệp N , quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật)*

**2. Về quan hệ con chung:** Giao con chung tên Bùi Bảo Anh - sinh ngày 04.01.2016 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông Bùi Đình V không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

**3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004628 ngày 08.10.2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Sở tư pháp;
- UBND phường Hòa Hiệp N ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trương Thị Hồng Thủy**



